

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1
MÔN: TIẾNG ANH 8 GLOBAL SUCCESS
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. LANGUAGE FOCUS

Exercise 1: Circle the word whose underlined part is pronounced differently from the others'.

1. A. unload B. cruel C. puzzle D. muscle
 2. A. detest B. resort C. prefer D. message

Exercise 2: Circle the word which has a different stress pattern from that of the others'.

3. A. leisure B. diving C. origami D. movie
 4. A. ancestor B. curious C. tradition D. heritage

Exercise 3: Fill each blank with the correct form of the verb in brackets.

5. Most students detest _____ (have) homework during the weekends.
 6. Alice is fond of _____ (create) small animals with paper.
 7. After a course with a native teacher, Nam can speak English _____ (well) than before.
 8. Chi is intelligent, but she needs to study _____ (hard) than her first semester to pass the examination.
 9. These students are learning how _____ (deal) with pressure before the final test.
 10. Parents should teach their children to be careful when _____ (post) pictures on social media.
 11. Jenny's mother often _____ (knit) when she was a teenager.
 12. Trung is very active and he dislikes _____ (watch) TV during leisure time.
 13. - What is your leisure activity?
 - I adore _____ (walk) my dog around the park.
 14. - Look! Who _____ (dry) rice over there?
 - I think it's Mai's uncle.

Exercise 4: Choose the best option to complete each of the following sentences.

15. We often play football _____ during summer time.
 A. one another B. together C. each other D. themselves

16. As a mental exercise, origami can help increase _____.

- A. health B. stress C. creativity D. balance

17. They are harvesting rice in the _____.

- A. crop B. orchard C. garden D. paddy field

18. Tom's father is very _____ so he can control the combine harvester very well.

- A. well-trained B. surrounded C. relaxed D. interested

19. Alice likes playing chess because she thinks it can help her _____ better.

- A. connect B. show off C. concentrate D. keep fit

20. Posting personal pictures on social media is fun; _____, sometimes it can bring many problems.

- A. although B. but C. however D. so

B. READING

Exercise 5: Read the passage. Circle the best answer A, B or C to each of the questions.

With approximately 2.96 billion users as of 2022, Facebook is undoubtedly one of the favoured social networking sites in the globe. As for students, they use Facebook for different purposes, including entertainment or academic learning. First, it is a relaxing channel where students comfortably tend to vent their negative thoughts on their school life via a status, share unforgettable memories, or watch multiple funny clips to relieve stress. Additionally, they can easily connect with those who have the same interests through various Facebook pages where they enjoy reading top comments or discussing hot topics with each other. Second, Facebook, regarded as the biggest knowledge platform, enables learners to get access to an array of free learning materials and even ask for specialized knowledge from other friendly users. Besides, it's very convenient for students to create a Facebook group chat on Facebook Messenger to upload and share lectures, prepare for class presentations as well as do assignments together. In short, Facebook can contribute to students' academic achievements if they take full advantage of it in an appropriate way.

21. What is the passage mainly about?

- A. The drawbacks of Facebook in student's learning.
B. The benefits of Facebook in student's learning.
C. The development of Facebook in student's learning.

22. What does the word it in line 4 mean?

- A. Facebook
- B. Entertainment
- C. School life

23. According to the passage, where can students find like-minded ones?

- A. Facebook Messenger
- B. Facebook comments
- C. Facebook pages

24. Why is Facebook called the biggest knowledge platform?

- A. Because students can gain a large number of free learning materials.
- B. Because students can enjoy a large number of English videos.
- C. Because students can talk to a large number of knowledgeable users there.

25. Which of the following is NOT the main purpose when students form a learning group chat?

- A. Preparing for class presentations.
- B. Venting their negative thoughts on their school life.
- C. Discussing hot topics with each other.

Exercise 6: Complete the passage. Write ONE suitable word in each blank.

During the early years, (26) _____ jigsaw puzzles is a popular activity that many parents choose for their children to develop their concentration and creativity. With various colours, shapes and sizes, this hobby significantly draws kids' attention, which they can spend all day handling the small pieces (27) _____ boredom. It's also quite challenging for little kids to use their eyes and hands for finding and (28) _____ many pieces together to make the given image. To motivate kids more effectively, parents should choose suitable and captivating jigsaw images. They can let kids do simple ones first and then (29) _____ the levels of difficulty gradually. But remember that this indoor game can make a child get frustrated and even give it up. That's why parents should be ready to give children support in time and cheer them up (30) _____ they reach the last jigsaw.

C. LISTENING

Exercise 7: Listen to a talk show about the main reasons the guest has chosen to live in the mountainous area and answer the questions below with NO MORE THAN FIVE WORDS.

31. What outdoor activities are there in the mountain region?
32. How do outdoor activities affect him?
33. Does he have any difficulties when living on the mountain?
34. What makes the rewards of living on the mountain worth it?
35. What does Mr. Smith's story encourage others to do?

D. WRITING

Exercise 8: For each question, complete the second sentence so that it means the same as the first one. Use the word in brackets and do not change it.

Write NO MORE THAN THREE WORDS.

36. When Trang has free time, she likes hanging out with her friends. **(LEISURE)**

In _____, Trang likes hanging out with her friends.

37. When Minh has free time, he likes surfing the net more than going shopping. **(TO)**

When Minh has free time, he prefers surfing the net _____.

38. Nick spent an hour loading the fruit onto the truck. **(IT)**

_____ an hour to load the fruit onto the truck.

39. During the rice harvest, they often need a combine harvester. **(USING)**

They often harvest _____ a combine harvester.

40. Ann is very tired; however, she helps her mother with the housework. **(BUT)**

Ann is very tired, _____ her mother with the housework.

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. B	2. D	3. C	4. C	5. having
6. creating	7. better	8. harder	9. to deal	10. posting
11. knitted	12. watching	13. walking	14. is drying	15. B
16. C	17. D	18. A	19. C	20. C
21. B	22. A	23. C	24. A	25. B
26. doing	27. without	28. joining	29. increase	30. until

31. hiking and rock climbing

32. physically and mentally healthy

33. Yes, he does. / Yes.

34. the connection to nature

35. explore alternative ways of living

36. her leisure time

37. to going shopping

38. It took Nick

39. rice by using

40. but she helps

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Exercise 1.

1.

Kiến thức: Phát âm “u”**Giải thích:**A. unload /ʌn'loʊd/B. cruel /'kru:.əl/C. puzzle /'pʌz.əl/D. muscle /'mʌs.əl/**Đáp án B.**

2.

Kiến thức: Phát âm “e”

Giải thích:

- A. detest /di'test/
- B. resort /rɪ'zɔ:rt/
- C. prefer /pri'fɜ:/:/
- D. message /'mes.ɪdʒ/

Đáp án D.

Exercise 2.

3.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

- A. leisure /'li:zə/
- B. diving /'daɪ.vɪŋ/
- C. origami /ɔ:r.ɪ'gɑ:.mi/
- D. movie /'mu:vi/

Các đáp án A, B, D trọng âm rơi vào âm thứ 1, đáp án C trọng âm rơi vào âm thứ 3.

Đáp án C.

4.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

- A. ancestor /'æn.ses.tə/
- B. curious /'kjʊr.i.əs/
- C. tradition /trə'dɪʃ.ən/
- D. heritage /'her.ɪ.tɪdʒ/

Các đáp án A, B, D trọng âm rơi vào âm thứ 1, đáp án C trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án C.

Exercise 3.

5.

Kiến thức: Động từ chỉ sự yêu thích

Giải thích: Cấu trúc “detest + V-ing”: ghét bỏ làm gì

Tạm dịch: Hầu hết học sinh ghét phải làm bài tập về nhà vào cuối tuần.

Đáp án: having

6.

Kiến thức: Động từ chỉ sự yêu thích

Giải thích: Cấu trúc “be fond of + V-ing”: ưa thích làm gì

Tạm dịch: Alice thích tạo ra những con vật nhỏ bằng giấy.

Đáp án: creating.

7.

Kiến thức: Câu so sánh hơn

Giải thích: Dấu hiệu: có từ so sánh “than”; dạng so sánh hơn của trạng từ “well” là “better”.

Tạm dịch: Sau khóa học với giáo viên bản xứ, Nam có thể nói tiếng Anh tốt hơn trước.

Đáp án: better.

8.

Kiến thức: Câu so sánh hơn

Giải thích: Dấu hiệu: có từ so sánh “than”; dạng so sánh hơn của trạng từ “hard” là “hard”.

Tạm dịch: Chi thông minh nhưng cô ấy cần học chăm chỉ hơn học kỳ đầu tiên để vượt qua kỳ thi.

Đáp án: hard.

9.

Kiến thức: Động từ nguyên mẫu có “to”

Giải thích: Dùng “to V” sau các từ để hỏi; cấu trúc: “how + to V”: cách để làm gì

Tạm dịch: Những học sinh này đang học cách để đối phó với áp lực trước kỳ thi cuối kỳ.

Đáp án: to deal.

10.

Kiến thức: Động từ đuôi -ing

Giải thích: Dùng V-ing sau “When” mang nghĩa “khi làm gì đó”.

Tạm dịch: Cha mẹ nên dạy con cẩn thận khi đăng ảnh lên mạng xã hội.

Đáp án: posting.

11.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích: Về trước có trạng từ tần suất “often”; về sau chia ở dạng quá khứ đơn nên đây là câu diễn tả hành động diễn ra thường xuyên trong quá khứ.

Tạm dịch: Mẹ của Jenny thường xuyên đan len khi cô còn là một thiếu niên.

Đáp án: knitted.

12.

Kiến thức: Động từ chỉ sự yêu thích

Giải thích: Sau động từ “dislike” ta dùng danh động từ: “dislike + V-ing”: không thích làm gì

Tạm dịch: Trung rất năng động và anh ấy không thích xem TV vào thời gian rảnh rỗi.

Đáp án: watching.

13.

Kiến thức: Động từ chỉ sự yêu thích

Giải thích: Sau động từ “adore” ta dùng danh động từ: “adore + V-ing”: yêu thích làm gì

Tạm dịch:

- Hoạt động giải trí của bạn là gì?
- Tôi thích dắt chó đi dạo quanh công viên.

Đáp án: walking.

14.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả hành động đang diễn ra tại thời điểm nói; Dấu hiệu: “Look!”

Tạm dịch:

- Nhìn kìa! Ai đang phơi thóc ở đó?
- Tôi nghĩ đó là chú của Mai.

Đáp án: is drying.

Exercise 4.

15.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. one another: lẫn nhau
- B. together: cùng nhau
- C. each other: lẫn nhau
- D. themselves: bởi chính họ

Tạm dịch: Chúng tôi thường chơi bóng đá cùng nhau trong suốt mùa hè.

Đáp án B.

16.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. health (n): sức khỏe
- B. stress (n): căng thẳng
- C. creativity (n): tính sáng tạo
- D. balance (n): sự cân bằng

Tạm dịch: Là một bài tập trí óc, nghệ thuật gấp giấy có thể giúp tăng tính sáng tạo.

Đáp án C.

17.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. crop (n): cây trồng
- B. orchard (n): vườn cây ăn quả
- C. garden (n): vườn
- D. paddy field (n): ruộng lúa

Tạm dịch: Họ đang thu hoạch lúa ở ruộng lúa.

Đáp án D.

18.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. well-trained (adj): được đào tạo tốt
- B. surrounded (adj): vây quanh
- C. relaxed (adj): thoải mái, thư giãn
- D. interested (adj): hứng thú

Tạm dịch: Bố của Tom được đào tạo rất tốt nên ông có thể điều khiển máy gặt đập liên hợp rất giỏi.

Đáp án A.

19.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. connect (v): kết nối
- B. show off (v): thể hiện, khoe
- C. concentrate (v): tập trung
- D. keep fit (v): giữ dáng

Tạm dịch: Alice thích chơi cờ vì cô ấy nghĩ nó có thể giúp cô ấy tập trung tốt hơn.

Đáp án C.

20.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

- A. although: mặc dù
- B. but: nhưng (đứng sau 1 dấu phẩy)
- C. however: tuy nhiên (đứng giữa 2 dấu phẩy)
- D. so: do vậy

Tạm dịch: Đăng ảnh cá nhân lên mạng xã hội rất thú vị; tuy nhiên, đôi khi nó có thể mang lại nhiều vấn đề.

Đáp án C.

Exercise 5.

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Đoạn văn chủ yếu nói về điều gì?

- A. Những hạn chế của Facebook trong việc học tập của học sinh.
- B. Lợi ích của Facebook đối với việc học tập của học sinh.
- C. Sự phát triển của Facebook trong việc học tập của học sinh.

Đáp án B.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Từ *it* ở dòng 4 có nghĩa là gì?

- A. Facebook
- B. Giải trí
- C. Cuộc sống học đường

Thông tin: As for students, they use Facebook for different purposes, including entertainment or academic learning. First, *it* is a relaxing channel...

Tạm dịch: Còn với học sinh, họ sử dụng Facebook với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm giải trí hoặc học tập. Thứ nhất, nó là kênh thư giãn.

Đáp án A.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Theo đoạn văn, học sinh có thể tìm thấy những người cùng chí hướng ở đâu?

- A. Tin nhắn Facebook
- B. Bình luận trên Facebook
- C. Trang Facebook

Thông tin: Additionally, they can easily connect with those who have the same interests through various Facebook pages.

Tạm dịch: Ngoài ra, họ có thể dễ dàng kết nối với những người có cùng sở thích thông qua nhiều trang Facebook khác nhau.

Đáp án C.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tại sao Facebook được gọi là nền tảng tri thức lớn nhất?

- A. Bởi vì học sinh có thể nhận được một lượng lớn tài liệu học tập miễn phí.
- B. Bởi vì học sinh có thể thưởng thức một lượng lớn video tiếng Anh.
- C. Bởi vì học sinh có thể nói chuyện với một lượng lớn người dùng có kiến thức ở đó.

Thông tin: Facebook, regarded as the biggest knowledge platform, enables learners to get access to an array of free learning materials.

Tạm dịch: Facebook, được coi là nền tảng kiến thức lớn nhất, cho phép người học truy cập vào nhiều tài liệu học tập miễn phí.

Đáp án A.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Điều nào sau đây KHÔNG phải là mục đích chính khi học sinh thành lập nhóm trò chuyện học tập?

- A. Chuẩn bị cho bài thuyết trình trước lớp.
- B. Trút những suy nghĩ tiêu cực về cuộc sống học đường của mình.
- C. Thảo luận các chủ đề nổi trội với nhau.

Thông tin: or discussing hot topics with each other ... Besides, it's very convenient for students to create a Facebook group chat on Facebook Messenger to prepare for class presentations.

Tạm dịch: hoặc cùng nhau thảo luận những chủ đề nóng hổi... Ngoài ra, rất thuận tiện cho học sinh tạo nhóm chat Facebook trên Facebook Messenger để chuẩn bị cho bài thuyết trình trên lớp.

Đáp án B.

Dịch bài đọc:

Với khoảng 2,96 tỷ người dùng tính đến năm 2022, Facebook chắc chắn là một trong những trang mạng xã hội được ưa chuộng trên toàn cầu. Còn với học sinh, họ sử dụng Facebook với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm giải trí hoặc học tập. Đầu tiên, là kênh thư giãn, nơi học sinh thoải mái trút bỏ những suy nghĩ tiêu cực về cuộc sống học đường của mình thông qua một trạng thái, chia sẻ những kỷ niệm khó quên hoặc xem nhiều clip hài hước để giải tỏa căng thẳng. Ngoài ra, họ có thể dễ dàng kết nối với những người có cùng sở thích thông qua nhiều trang Facebook khác nhau, nơi họ thích đọc những bình luận hàng đầu hoặc thảo luận về các chủ đề nóng hổi với nhau. Thứ hai, Facebook, được coi là nền tảng kiến thức lớn nhất, cho phép người học truy cập vào nhiều tài liệu học tập miễn phí và thậm chí yêu cầu kiến thức chuyên môn từ những người dùng thân thiện khác. Ngoài ra, rất thuận tiện cho học viên tạo nhóm chat Facebook trên Facebook Messenger để đăng tải và chia sẻ bài giảng, chuẩn bị cho bài thuyết trình trên lớp cũng như làm bài tập cùng nhau. Nói tóm lại, Facebook có thể đóng góp vào thành tích học tập của học sinh nếu họ tận dụng tối đa lợi thế của nó một cách thích hợp.

Exercise 6.

26.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần một danh động từ đi với “jigsaw puzzles” để tạo thành chủ ngữ cho câu => dùng “doing jigsaw puzzles”: chơi trò chơi xếp hình

Tạm dịch: Trong những năm đầu đời, chơi ghép hình là hoạt động phổ biến được nhiều bậc cha mẹ lựa chọn cho con mình phát triển khả năng tập trung và sáng tạo.

Đáp án: doing.

27.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một mạo từ mang nghĩa “không”.

Tạm dịch: Với nhiều màu sắc, hình dạng và kích cỡ khác nhau, sở thích này thu hút đáng kể sự chú ý của trẻ em, khiến chúng có thể dành cả ngày để xử lý những mảnh nhỏ mà không nhàm chán.

Đáp án: without.

28.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh động từ đi với cụm “many pieces together”.

Cụm “joining pieces together”: gắn/ghép các mảnh lại với nhau

Tạm dịch: Việc sử dụng mắt và tay để tìm và lắp ghép nhiều mảnh ghép lại với nhau để tạo thành hình ảnh nhất định cũng khá khó khăn đối với trẻ nhỏ.

Đáp án: joining.

29.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một động từ mang nghĩa “tăng”.

Tạm dịch: Họ có thể để trẻ làm những việc đơn giản trước và sau đó tăng mức độ khó dần dần.

Đáp án: increase.

30.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một liên từ mang nghĩa “cho đến khi”.

Tạm dịch: Đó là lý do tại sao cha mẹ nên sẵn sàng hỗ trợ trẻ kịp thời và động viên chúng cho đến khi chúng đi đến bức ghép hình cuối cùng.

Đáp án: until.

Dịch bài đọc:

Trong những năm đầu đời, chơi trò chơi ghép hình là hoạt động phổ biến được nhiều bậc cha mẹ lựa chọn cho con mình phát triển khả năng tập trung và sáng tạo. Với nhiều màu sắc, hình dạng và kích cỡ khác nhau, sở thích này thu hút đáng kể sự chú ý của trẻ em, khiến chúng có thể dành cả ngày để xử lý những mảnh nhỏ mà không nhàm chán. Việc sử dụng mắt và tay để tìm và ghép nhiều mảnh ghép lại với nhau để tạo thành hình ảnh nhất định cũng khá khó khăn đối với trẻ nhỏ. Để động viên trẻ hiệu quả hơn, cha mẹ nên lựa chọn những hình ảnh ghép hình phù hợp, lôi cuốn. Họ có thể để trẻ làm những việc đơn giản trước và sau đó tăng mức độ khó dần dần. Nhưng hãy nhớ rằng trò chơi trong nhà này có thể khiến trẻ chán nản và thậm chí bỏ cuộc. Đó là lý do tại sao cha mẹ nên sẵn sàng hỗ trợ trẻ kịp thời và động viên chúng cho đến khi chúng đi đến bức ghép hình cuối cùng.

Exercise 7.

31.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Ở vùng núi có những hoạt động ngoài trời nào?

Thông tin: Certainly, one of the main reasons is the opportunity for outdoor activities such as hiking and rock climbing.

Tạm dịch: Đương nhiên, một trong những lý do chính là cơ hội cho những hoạt động ngoài trời như là đi bộ đường dài và leo núi.

Đáp án: hiking and rock climbing.

32.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Hoạt động ngoài trời ảnh hưởng đến anh ấy như thế nào?

Thông tin: The mountain offers endless adventures that keep me physically and mentally healthy.

Tạm dịch: Ngọn núi mang đến những cuộc phiêu lưu bất tận giúp tôi khỏe mạnh về thể chất và tinh thần.

Đáp án: physically and mentally healthy.

33.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Anh ấy có gặp khó khăn gì khi sống trên núi không?

Thông tin: Of course, difficult weather conditions, limited access to amenities, and the need for self sufficiency can sometimes be tough.

Tạm dịch: Tất nhiên, điều kiện thời tiết khó khăn, khả năng tiếp cận các tiện nghi bị hạn chế và nhu cầu tự cung tự cấp đôi khi có thể khó khăn.

Đáp án: Yes, he does. / Yes.

34.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Điều gì khiến cuộc sống trên núi có giá trị?

Thông tin: The connection to nature makes it all worth it.

Tạm dịch: Sự kết nối với thiên nhiên làm cho tất cả đều có giá trị.

Đáp án: The connection to nature.

35.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Câu chuyện của ông Smith khuyến khích người khác làm gì?

Thông tin: I hope my story encourages others to explore alternative ways of living.

Tạm dịch: Tôi hy vọng câu chuyện của tôi khuyến khích người khác khám phá những cách sống khác.

Đáp án: explore alternative ways of living.

Bài nghe:

MC: Good evening, everyone. Welcome to our talk show. Today we have a very special guest who has chosen to live on a mountain. Please welcome Mr. Smith.

Mr. Smith: Thank you for having me. It's a pleasure to be here.

MC: Mr. Smith. Can you please share with our audience why you have made the decision to live on a mountain?

Mr. Smith: Absolutely living on a mountain provides me with a sense of peace and tranquillity.

MC: That sounds fascinating. Can you tell us about any specific reasons that led you to choose this lifestyle?

Mr. Smith: Certainly, one of the main reasons is the opportunity for outdoor activities such as hiking and rock climbing. The mountain offers endless adventures that keep me physically and mentally healthy.

MC: It sounds like living on a mountain has brought you many benefits. Do you face any challenges or drawbacks?

Mr. Smith: Of course, difficult weather conditions, limited access to amenities, and the need for self sufficiency can sometimes be tough. However, for me, the rewards far outweigh the challenges. The connection to nature makes it all worth it.

MC: Thank you so much for sharing, Mr. Smith. It's truly inspiring to hear about your unique lifestyle choice.

Mr. Smith: Thank you. I hope my story encourages others to explore alternative ways of living.

Tạm dịch:

MC: Chào buổi tối mọi người. Chào mừng đến với chương trình trò chuyện của chúng tôi. Hôm nay chúng ta có một vị khách rất đặc biệt đã chọn sống trên núi. Xin chào mừng ông Smith.

Ông Smith: Cảm ơn vì đã mời tôi. Thật vui khi được ở đây.

MC: Ông Smith. Bạn có thể chia sẻ với khán giả lý do tại sao bạn quyết định sống trên núi được không?

Ông Smith: Sống trên núi hoàn toàn mang lại cho tôi cảm giác bình yên và tĩnh lặng.

MC: Nghe hấp dẫn đấy. Bạn có thể cho chúng tôi biết lý do cụ thể nào khiến bạn chọn lối sống này không?

Ông Smith: Chắc chắn, một trong những lý do chính là cơ hội cho các hoạt động ngoài trời như đi bộ đường dài và leo núi. Ngọn núi mang đến những cuộc phiêu lưu bất tận giúp tôi khỏe mạnh về thể chất và tinh thần.

MC: Nghe nói việc sống trên núi mang lại cho bạn rất nhiều lợi ích. Bạn có gặp phải bất kỳ thách thức hoặc hạn chế nào không?

Ông Smith: Tất nhiên, điều kiện thời tiết khó khăn, khả năng tiếp cận các tiện nghi bị hạn chế và nhu cầu tự túc đôi khi có thể khó khăn. Tuy nhiên, đối với tôi, phần thưởng vượt xa những thách thức. Sự kết nối với thiên nhiên làm cho tất cả đều có giá trị.

MC: Cảm ơn rất nhiều vì đã chia sẻ, ông Smith. Thật sự rất cảm hứng khi nghe về sự lựa chọn lối sống độc đáo của bạn.

Ông Smith: Cảm ơn bạn. Tôi hy vọng câu chuyện của tôi khuyến khích người khác khám phá những cách sống khác.

Exercise 8.

36.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương**Giải thích:** Cụm “when Trang has free time = In her leisure time”.**Tạm dịch:** Những lúc rảnh rỗi, Trang thích đi chơi cùng bạn bè.**Đáp án:** her leisure time.

37.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương**Giải thích:** Cấu trúc “like V-ing more than V-ing = prefer V-ing to V-ing”: thích làm cái gì hơn cái gì.**Tạm dịch:** Khi Minh có thời gian rảnh, anh ấy thích lướt mạng hơn là đi mua sắm.**Đáp án:** to going shopping.

38.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương**Giải thích:** Cấu trúc: “S + spend + “time” + V-ing = It takes + sb + time + to Vinf”: ai đó dành bao nhiêu thời gian để làm gì.**Tạm dịch:** Nick phải mất một giờ để chặt trái cây lên xe tải.**Đáp án:** It took Nick.

39.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương**Giải thích:** by using sth = bằng cách sử dụng cái gì**Tạm dịch:** Họ thường thu hoạch lúa bằng cách sử dụng máy gặt đập liên hợp.**Đáp án:** rice by using.

40.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương**Giải thích:** câu trúc “S + V, however, S + V = S + V, but S + V”.**Tạm dịch:** Ann rất mệt nhưng cô ấy giúp mẹ làm việc nhà.**Đáp án:** but she helps.